

Bản án số: 117/2020/HSST

Ngày 01-9-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Văn Kiên

2. Ông Ngô Xuân Dệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Tr, sinh năm: 1997 tại Gia Lai; nơi ĐKKHKT: Làng Chuet Ng, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, chỗ ở trước khi bị bắt: Làng Chuet 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông R, sinh năm: 1970 và bà H, sinh năm 1963; có vợ H1, sinh năm: 1997 và có 02 con; tiền án: Không, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 3 năm 2020 đến ngày 27 tháng 3 năm 2020, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**- Người chứng kiến:** Ông Ksor L, sinh năm 1983; địa chỉ: Làng Chuét 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**- Người phiên dịch tiếng Jrai:** Ông Puih H công tác tại Ban dân tộc tỉnh Gia Lai, địa chỉ: 07 Hai Bà T, phường Tây S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tr là người có sử dụng ma túy. Khoảng 17 giờ ngày 14/3/2020, Tr đi bộ ở khu vực làng Chuét 1, phường T, thành phố P thì gặp một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) có bán ma túy nên Tr hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Tr đem về nhà ở làng Chuét 1, phường T, thành phố P, rồi cất giấu trong túi quần treo tại phòng ngủ, nhằm mục đích để sử dụng. Khoảng 09 giờ ngày 18/3/2020, Tr lấy gói ma túy ra sử dụng hết một phần. Số ma túy còn lại, Tr chia thành 02 phần, rồi bỏ vào trong 02 gói nilon cất giấu để sử dụng dần. Đến 12 giờ 45 phút cùng ngày, khi Tr đang ở nhà tại làng Chuét 1, phường T thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phối hợp với Công an phường T kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Cơ quan điều tra đã thu giữ trong phòng ngủ của Tr tang vật, gồm: 02 (hai) gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được niêm phong theo quy định) cùng 01 chai nhựa gắn ống thủy tinh hình móc câu và 01 ống hút nhựa màu tím - là công cụ mà bị can Tr dùng để sử dụng ma túy.

Qua trung cầu, tại Kết luận giám định số 289/KLGĐ ngày 26/3/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 (hai) gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,5215 gam”*.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn số 289/PC09 ngày 26/3/2020 có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai cùng chai nhựa gắn ống thủy tinh hình móc câu và 01 ống hút nhựa màu tím, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 110/CT-VKS ngày 03-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Tr về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tr về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Tr mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn niêm phong số 289/PC09 ngày 26/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai và 01 chai nhựa gắn một ống thủy tinh móc câu và 01 ống hút bằng nhựa màu tím và buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Tr khai nhận về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi đúng như nội dung mà bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết quả giám định và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định vào ngày 14/3/2020, bị cáo Tr đã có hành vi cất giữ 0,5215 gam ma túy, loại Methamphetamine.

[3] Ma túy là chất kích thích, gây nghiện, hạn chế sử dụng; việc lạm dụng là rất nguy hiểm, là mối nguy hại lớn cho đời sống văn hóa tinh thần, trật tự an toàn xã hội. Do đó thuộc sự quản lý, kiểm soát nghiêm ngặt của cơ quan quản lý nhà nước nhằm không gây nguy hiểm cho xã hội. Việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phải tuân thủ đúng qui định của pháp luật. Mọi hành vi vi phạm các qui định này đều bị pháp luật nghiêm trị.

[4] Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật, nhưng đã cất giấu để sử dụng. Bị cáo tàng trữ 0,5215 gam chất ma túy, loại Methamphetamine là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, phạm tội nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử lý nghiêm bằng hình phạt tù, trong khung hình phạt đã phạm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, cai nghiện để thành công dân có ích cho xã hội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, do đó Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là chất cấm tàng trữ, lưu hành và 01 chai nhựa, ống hút sử dụng vào việc phạm tội nên

tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Tr phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tr 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 18 tháng 3 năm 2020.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu và tiêu hủy 01 bì công văn niêm phong số 289/PC09 ngày 26-3-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai và 01 chai nhựa có gắn một ống thủy tinh hình móc câu và 01 ống hút nhựa màu tím.

(Đặc điểm các vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14-8-2020 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Tr phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Thu**

